

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
- BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **14** /2014/TTLT/BGTVT-BTC

Hà Nội, ngày **10** tháng **12** năm **2014**

AN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Số: **17/12** Quy định về chi phí thẩm tra an toàn giao thông
đối với công trình đường bộ đang khai thác

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C
	Ngày: 17/12

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về lập, quản lý chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, quản lý chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác.

Điều 3. Kinh phí thẩm tra an toàn giao thông công trình đường bộ đang khai thác

1. Đối với hệ thống quốc lộ, kinh phí thẩm tra an toàn giao thông được bố trí từ Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương.

2. Đối với các hệ thống đường địa phương (đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện), kinh phí thẩm tra an toàn giao thông được bố trí từ Quỹ bảo trì đường bộ địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Đối với đường thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), kinh phí thẩm tra an toàn giao thông được tính trong phương án tài chính của hợp đồng. Trường hợp hợp đồng ký trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, kinh phí thẩm tra an toàn giao thông được bố trí từ chi phí bảo trì đường xây dựng theo hợp đồng BOT, BTO của Chủ đầu tư.

4. Đối với đường chuyên dùng, đường không do Nhà nước quản lý khai thác, đường được đầu tư xây dựng không bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là đường chuyên dùng), kinh phí thẩm tra an toàn giao thông do tổ chức, cá nhân quản lý khai thác chịu trách nhiệm.

Điều 4. Nội dung chi phí thẩm tra an toàn giao thông

1. Chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác (sau đây viết tắt là “chi phí thẩm tra ATGT”) là toàn bộ chi phí cần thiết để hoàn thành nội dung công việc thẩm tra an toàn giao thông theo quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Nội dung chi phí thẩm tra an toàn giao thông:

a) Chi phí trực tiếp

- Chi phí chuyên gia

Chi phí chuyên gia được xác định theo số lượng chuyên gia, thời gian làm việc của chuyên gia và tiền lương của chuyên gia, cụ thể:

Số lượng chuyên gia, thời gian làm việc của chuyên gia được xác định theo yêu cầu, khối lượng công việc cụ thể cần thẩm tra an toàn giao thông, yêu cầu về tiến độ thẩm tra an toàn giao thông và trình độ của từng chuyên gia. Căn cứ vào quy mô, tính chất công trình, tiến độ thực hiện thẩm tra an toàn giao thông, các yếu tố khác liên quan đến công tác thẩm tra an toàn giao thông, quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thẩm tra an toàn giao thông và các quy định hiện hành để xác định số lượng chuyên gia và thời gian làm việc của từng chuyên gia thẩm tra an toàn giao thông.

Tiền lương chuyên gia bao gồm tiền lương theo ngạch bậc, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi phí vật liệu

Chi phí vật liệu được xác định căn cứ vào chủng loại, khối lượng theo quy định hiện hành và giá của vật liệu được sử dụng. Giá của vật liệu được xác định theo công bố giá của địa phương; trường hợp vật liệu không có trong công bố giá của địa phương thì xác định trên cơ sở giá thị trường do tổ chức có chức năng cung cấp, báo giá của nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá đã được áp dụng cho các công tác khác có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự.

- Chi phí máy, thiết bị

Chi phí máy, thiết bị được xác định căn cứ vào nhu cầu số lượng, thời gian sử dụng theo quy định hiện hành và giá của ca máy, thiết bị. Giá ca máy, thiết bị áp dụng theo bảng giá ca máy, thiết bị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc theo mặt bằng thị trường giá ca máy, thiết bị phổ biến.

- Chi phí trực tiếp khác, bao gồm: Chi phí khảo sát hiện trường, đi lại, chi phí hội nghị, hội thảo, chi khác phục vụ cho việc thẩm tra an toàn giao thông. Các khoản chi phí trực tiếp khác được xác định như sau:

+ Chi phí khảo sát hiện trường được xác định theo thời gian số lần khảo sát, phương tiện sử dụng và các chi phí cần thiết khác trong quá trình khảo sát hiện trường;

+ Chi phí hội nghị, hội thảo và chi phí đi lại xác định theo yêu cầu của công việc thẩm tra an toàn giao thông. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Chi phí quản lý

Chi phí quản lý là khoản chi phí duy trì hoạt động của tổ chức thẩm tra an toàn giao thông và các chi phí quản lý khác phục vụ cho công tác thẩm tra an toàn giao thông. Chi phí quản lý xác định bằng tối đa 55% của chi phí chuyên gia;

c) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm: chi phí lập Đề cương và Dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông và các chi phí cần thiết khác phục vụ cho việc thẩm tra an toàn giao thông;

d) Thu nhập chịu thuế tính trước

Thu nhập chịu thuế tính trước xác định bằng 6% của tổng chi phí chuyên gia, chi phí quản lý và chi phí khác;

đ) Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng và các quy định của pháp luật về thuế.

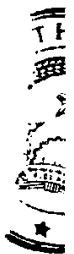
Điều 5. Xây dựng nội dung và dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông

1. Trách nhiệm xây dựng nội dung và dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông quy định như sau:

a) Cơ quan được giao quản lý đường quốc lộ (Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải và cơ quan khác được giao quản lý quốc lộ) đối với đường quốc lộ;

b) Sở Giao thông vận tải hoặc cơ quan được phân cấp đối với đường tỉnh, đường đô thị;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường huyện;



d) Nhà đầu tư hoặc Doanh nghiệp dự án đối với đường đang khai thác theo hợp đồng BOT, BTO;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với đường chuyên dùng.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng nội dung và dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông không đủ năng lực để thực hiện, phải thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực hành nghề thực hiện. Chi phí thuê xây dựng nội dung và dự toán chi phí thẩm tra được tính vào nội dung chi phí khác quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 4 Thông tư này và được lập dự toán theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Thẩm định, phê duyệt nội dung và dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông

1. Nội dung và dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông được cơ quan hoặc tổ chức (đơn vị) quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Cấp có thẩm quyền quy định như sau:

- a) Bộ Giao thông vận tải đối với đường cao tốc;
- b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam đối với quốc lộ (trừ đường cao tốc);
- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền đối với đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện;
- d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng đối với đường chuyên dùng.

3. Kết quả thẩm định lập thành Báo cáo thẩm định nội dung và dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông.

Điều 7. Điều chỉnh dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông

Dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông được điều chỉnh trong trường sau đây:

1. Thay đổi khối lượng công việc thẩm tra an toàn giao thông do có nguyên nhân sau:

- a) Có sự thay đổi về đặc điểm của tuyến, đoạn tuyến được thẩm tra an toàn giao thông;
- b) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư yêu cầu bổ sung các công việc thẩm tra an toàn giao thông.

2. Trường hợp các chi phí được quy định tại Điều 4 Thông tư này thay đổi theo chế độ, chính sách mới của Nhà nước.

Điều 8. Lập và phân bổ, thanh, quyết toán kinh phí thẩm tra an toàn giao thông

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông công trình đường bộ đang khai thác tại các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ thẩm tra an toàn giao thông công trình đường bộ đang khai thác.

2. Các khoản chi thẩm tra an toàn giao thông chi không đúng chế độ, chi sai nội dung chi quy định tại Thông tư liên tịch này đều phải xuất toán thu hồi nộp ngân sách nhà nước; người nào ra lệnh chi sai người đó phải bồi hoàn cho công quỹ.

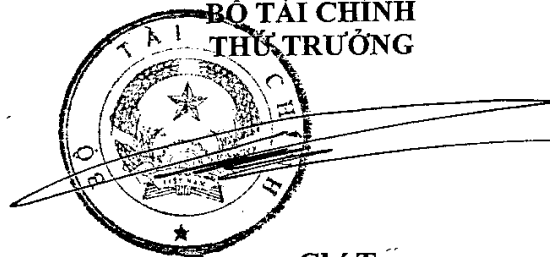
Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư được sửa đổi, thay thế; thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Hồng Trường



Nơi nhận: *[Signature]*

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTU phòng chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Tài chính, KBNN, Sở GTVT, Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Website Bộ GTVT, Website Bộ Tài chính;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu: VT Bộ GTVT, VT Bộ Tài chính.